

THỰC ĐƠN ĂN HỌC SINH BÁN TRÚ
Trường PTDT bán trú THCS Mường Nhé
Thời gian ăn Từ ngày 24/11/2025 đến 30/11/2025
Số HS bán trú: 758 người

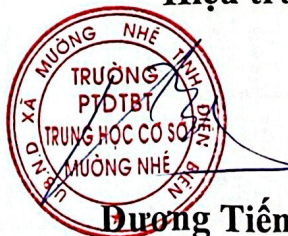
Thứ	Ngày	Sáng	Trưa	Tối
2	24/11/2025	Xôi thịt lợn băm	Thịt lợn rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào quả đu. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
3	25/11/2025	Xôi ruốc thịt lợn	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
4	26/11/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn kho củ cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
5	27/11/2025	Xôi thịt lợn băm	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào bắp cải. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
6	28/11/2025	Xôi ruốc thịt lợn	Thịt lợn xay rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ
7	29/11/2025	Bánh mỳ nhân kem	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	
CN	30/11/2025			Trứng vịt trắng. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ

Người lập



Nguyễn Thị Hương

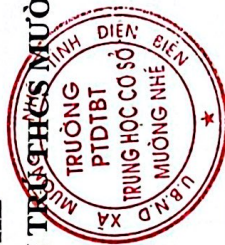
Hiệu trưởng



Đương Tiến Công

UBND XÃ MƯỜNG NHÉ

TRƯỜNG PTĐT BÁN TRẠNG PHẠM MƯỜNG NHÉ



THỰC ĐƠN ĂN THÁNG 11

Thời gian ăn từ ngày 24/11/2025 đến ngày 30/11/2025

Số lượng người ăn: 758 HS

Thứ, ngày	Bữa sáng				Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn					
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn		Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
Thứ hai 24/11/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	758	8.000	6.064.000	Thịt lợn rang, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát	13.635.000	Thịt lợn xào quả đồ, Canh bí đỏ, Com tẻ	Thịt vai, móng lợn	Kg	57	135.000	7.695.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả đồ	Kg	60	28.000	1.680.000	
							Rau bắp cải	Kg	35	18.000	630.000		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
											0		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
	Tổng tiền				6.064.000						14.325.000						10.335.000	30.724.000
Thứ ba 25/11/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	758	8.000	6.064.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát	7.695.000	Thịt gà ta lai rang gừng, Canh bí đỏ, Com tẻ	Thịt gà ta lai	Kg	142,0	105.000	14.910.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	3	30.000	90.000	
							Cà chua	kg	7	35.000	245.000		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
							Hành lá	Kg	1	60.000	60.000							
							Rau bắp cải	Kg	35	18.000	630.000							
	Tổng tiền				6.064.000						10.130.000						15.900.000	32.094.000
Thứ tư 26/11/2025	Bánh mỳ nhân đồ	gói	758	8000	6.064.000	Thịt lợn xào bí xanh, Canh rau bắp cải, Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát	7.695.000	Thịt lợn kho củ cải, Canh bí đỏ, Com tẻ	Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Củ cải	kg	70	22.000	1.540.000	
							Rau bắp cải	Kg	35	18.000	630.000		Thịt vai, móng lợn	kg	57	135.000	7.695.000	
							Bí xanh	Kg	70	18.000	1.260.000		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	
	Tổng tiền				6.064.000						9.645.000						10.195.000	25.904.000
Thứ năm 27/11/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	758	8.000	6.064.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua, Canh rau bắp cải.	Gạo tẻ	Kg	170	Cấp phát	7.695.000	Thịt lợn xào rau bắp cải, Canh bí đỏ, Com tẻ	Thịt vai, móng lợn	Kg	57,0	135.000	7.695.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000	
							Cà chua	kg	8	35.000	280.000		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000	

Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn							
Ngày	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền					
						Cơm tẻ	Rau bắp cải	Kg	35	18.000	630.000		Bắp cải	Kg	62	18.000	1.116.000					
							Hành lá	Kg	1,3	60.000	78.000											
					6.064.000						10.183.000						9.771.000	26.018.000				
							Gạo tẻ	Kg	170		Cấp phát			Kg	170		Cấp phát					
Thứ sáu 28/11/2025	Xôi nước thịt lợn	hộp	758	8.000	6.064.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Thịt vai, mỏng lợn	Kg	101	135.000	13.635.000	Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000					
							Hành lá	Kg	1,0	60.000	60.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000					
							Rau bắp cải	Kg	35	18.000	630.000		Thịt vai, mỏng lợn	kg	57	135.000	7.695.000					
											0		Bí đỏ	Kg	50	18.000	900.000					
					6.064.000						14.325.000						9.735.000	30.124.000				
Thứ 7 ngày 29/11/2025	Bánh mì nhân kem	gói	758	8000	6.064.000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	145		Cấp phát											
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000											
							Hành lá	kg	1,0	60.000	60.000											
							Cà chua	kg	7,0	35.000	245.000											
						Thịt vai, mỏng lợn	Kg	55	135.000	7.425.000												
						Rau bắp cải	25	30	18.000	540.000												
					6.064.000						9.770.000						0	15.834.000				
CN 30/11/2025						trứng vịt trắng. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	115		Cấp phát			Kg	115		Cấp phát					
					0						0						3.630.000	3.630.000				

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Tiến Công